

Số: /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2024

**DỰ THẢO LẦN 1**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**Phần I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 cấp và giấy phép lái xe nước ngoài phù hợp với loại xe được phép điều khiển do quốc gia được công nhận theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo,

kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Thông tư này không áp dụng đối với công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; công tác đào tạo, kiểm tra, cấp và thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của ngành công an, quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng là loại xe ô tô được định nghĩa tại các tiêu chuẩn TCVN 6211: 2003, TCVN 7271: 2003.

2. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải sử dụng để tập lái được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe nguyên thủy do nhà sản xuất quy định.

3. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng được hiểu là khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe ô tô tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.

4. Thời gian lái xe an toàn là thời gian người có giấy phép lái xe có hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.

5. *Số phiê giấy phép lái xe* là mã số do nhà sản xuất phiê quy định, ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau nhằm nhận diện giấy phép lái xe.

6. *Dữ liệu DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên ô tô tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo theo quy định tại mục 2.1.5 và mục 2.1.6 của QCVN 105:2020/BGTVT.

7. *Dữ liệu quản lý DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo về máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

8. *Hệ thống thông tin DAT* gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm dùng để thu nhận, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý DAT.

9. *Thời gian học lái xe ban đêm* được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.

10. *Giấy phép lái xe quốc tế* có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.

11. *Giấy phép lái xe quốc gia* là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ nước đó.

12. *Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế* là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.

13. *Hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ*: gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm được cài đặt tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch, Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo thẩm quyền (sau đây gọi là Hệ thống thông tin).

#### **Điều 4. Chế độ báo cáo**

##### **1. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe**

Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam, gồm:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo về công tác đào tạo lái xe, gồm: Số lượng cơ sở đào tạo lái xe đang quản lý, số lượng thủ tục hành chính đã thực hiện trong năm, gồm: giấy phép đào tạo lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, đánh giá công tác quản lý đào tạo lái xe. Báo cáo về công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm: Số lượng trung tâm sát hạch lái xe đang quản lý, số lượng thủ tục hành chính đã thực hiện trong năm, gồm: giấy phép sát hạch, đánh giá công tác quản lý sát hạch lái xe, số lượng giấy phép lái xe các hạng đã cấp;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

đ) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**2. Báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ**

a) Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ gửi báo cáo công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ về Sở Giao thông vận tải, gồm:

Tên báo cáo: Báo cáo về công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ

Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo về số lượng đào tạo, số lượng kiểm tra cấp chứng chỉ, số lượng cấp chứng chỉ

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

Mẫu biểu báo cáo: Theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo công tác cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam, gồm:

Tên báo cáo: Báo cáo công tác cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;

Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo về công tác cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ, gồm: Số lượng cơ sở đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ, công tác quản lý đào tạo, số lượng chứng chỉ đã cấp;

Phương thức gửi, nhận báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm; trước ngày 20 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm;

Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và Báo cáo định kỳ hàng năm;

Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ tổng kết năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo;

Mẫu biểu báo cáo: Theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Phần II**  
**ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
**Chương I**  
**ĐÀO TẠO LÁI XE**

**Mục 1. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO LÁI XE**

**Điều 5. Quản lý hoạt động của cơ sở đào tạo**

1. Giáo viên dạy thực hành lái xe phải qua tập huấn về nghiệp vụ theo chương trình tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Lưu lượng đào tạo được xác định trên cơ sở số phòng học, sân tập lái quy định tại Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe (sau đây viết tắt là Nghị định số /2024/NĐ-CP). Cơ sở đào tạo phải đảm bảo số lượng học viên học thực hành đối với mỗi hạng giấy phép lái xe không được vượt quá khả năng đáp ứng số xe tập lái và giáo viên của cơ sở đào tạo.

**Điều 6. Hình thức đào tạo**

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A và B1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện, kiểm tra;

2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE được đào tạo:

a) Đối với nội dung học lý thuyết được lựa chọn một trong các hình thức sau: tập trung tại cơ sở đào tạo; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Riêng các môn phải học tập trung tại cơ sở đào tạo, gồm: cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung;

c) Phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo, để được xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo.

3. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo tổ chức xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo mà học viên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới.

**Điều 7. Sở Giao thông vận tải**

1. Chịu trách nhiệm quản lý đào tạo lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Kiểm tra công tác đào tạo lái xe đối với cơ sở đào tạo.

3. Cấp giấy phép xe tập lái; tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo nội dung, chương trình quy định.

4. Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách cơ sở đào tạo lái xe hạng A1, A, B1 đủ hoặc không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

5. Theo dõi, kiểm tra, khai thác và sử dụng dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam và của cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo.

6. Bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam.

7. Tiếp nhận, chấp thuận hình thức tổ chức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết để cơ sở đào tạo lái xe thực hiện đủ các nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, giấy xác nhận được kết xuất trên ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô do cơ sở đào tạo cung cấp để duyệt danh sách học viên đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch. Trong trường hợp Cục Đường bộ Việt Nam có thông báo dừng hệ thống thông tin DAT để bảo trì hoặc bảo dưỡng hoặc xảy ra sự cố thì các Sở Giao thông vận tải sử dụng dữ liệu DAT của cơ sở đào tạo.

### **Điều 8. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý đào tạo lái xe thống nhất trong phạm vi cả nước.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo lái xe; xây dựng, chuyển giao Bộ câu hỏi, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông cho các cơ sở đào tạo.

3. Kiểm tra, thanh tra về công tác quản lý, đào tạo lái xe.

4. Ban hành nội dung chi tiết chương trình tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam đảm bảo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT phục vụ cho việc khai thác dữ liệu quản lý DAT và quản lý công tác đào tạo lái xe của các Sở Giao thông vận tải; đảm bảo hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu quản lý DAT tối thiểu là 02 năm; thông tin khai thác trên phần mềm được tổng hợp theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cung cấp tài khoản để các Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam.

## **Mục 2. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

### **Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

1. Tổ chức tuyển sinh đào tạo bảo đảm các điều kiện đối với người học theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

2. Ký hợp đồng đào tạo với người học lái xe ô tô gồm các nội dung chính sau:

- a) Hạng giấy phép lái xe đào tạo;
- b) Địa điểm đào tạo;
- c) Thời gian hoàn thành khóa học;
- d) Mức học phí và phương thức thanh toán học phí;
- đ) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên khi vi phạm hợp đồng;
- e) Thanh lý hợp đồng;
- g) Các thỏa thuận khác không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

3. Công khai quy chế tuyển sinh và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.

4. Cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1 phải duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn theo quy định.

5. Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1 đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức đào tạo mới và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe.

7. Được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho người có nhu cầu, nhưng phải bảo đảm nội dung, chương trình và thời gian quy định.

8. Đăng ký kỳ sát hạch theo quy định.

9. Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô theo hình thức học tập trung; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe.

10. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan của khoá đào tạo.

11. Bảo đảm giáo viên khi dạy thực hành lái xe phải đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” và mang theo giấy phép xe tập lái; học viên tập lái xe trên đường phải

đeo phù hiệu “Học viên tập lái xe”. Phù hiệu do cơ sở đào tạo lái xe cấp, quản lý theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; niêm yết tên cơ sở đào tạo trên xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Tổ chức kiểm tra môn học: Người đứng đầu cơ sở đào tạo căn cứ nội dung kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 18 Thông tư này xây dựng quy trình kiểm tra.

### 13. Xét công nhận tốt nghiệp

a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; Hội đồng có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, do một lãnh đạo cơ sở đào tạo cơ sở đào tạo làm chủ tịch, trưởng bộ phận hoặc cán bộ phụ trách đào tạo làm thư ký; trưởng các đơn vị hoặc cán bộ phụ trách các lĩnh vực hoạt động của cơ sở đào tạo sơ cấp và giáo viên chủ nhiệm lớp làm thành viên;

b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp khóa đào tạo có trách nhiệm: Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét tốt nghiệp, người học chưa đủ điều kiện tốt nghiệp; Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học, Hội đồng hoàn thành việc xét tốt nghiệp và có văn bản đề nghị với người đứng đầu cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp đối với người học.

14. Sử dụng kết quả theo dõi quá trình học; kết quả kiểm tra; kết quả học thực hành lái xe trên đường thông qua phần mềm hệ thống thông tin DAT của cơ sở đào tạo hoặc Cục Đường bộ Việt Nam; kết quả học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô để xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo cho người học lái xe ô tô.

15. Thu và sử dụng học phí đào tạo lái xe theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

16. Tuyển dụng, quản lý, tổ chức tập huấn nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định. Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình khung tập huấn nâng cao trình độ giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

### 17. Báo cáo đăng ký sát hạch

a) Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của người học đảm bảo đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống



thông tin giấy phép lái xe.

b) Đào tạo lái xe các hạng **A1, A**: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo;

c) Đào tạo lái xe các hạng **B1, B, BE, C1, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E D, DE**: cơ sở đào tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe, kế hoạch đào tạo, theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, **Mẫu số 03, Mẫu số 4** Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo.

d) Báo cáo 1 các hạng **A1, A** trước kỳ sát hạch ít nhất 04 ngày làm việc, hạng B 1 ngay sau khai giảng, các hạng **B, BE, C1, C1E, CE, D1, D1E, D2, D2E D, DE** không quá 07 ngày sau khai giảng; Thủ trưởng cơ quan quản lý sát hạch kiểm tra, ký tên vào từng trang (bao gồm tất cả các trang của Báo cáo 1).

đ) Báo cáo đăng ký sát hạch hạng **A1** đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt gửi về Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe trước kỳ sát hạch ít nhất 30 ngày.

18. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô trang bị và duy trì ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

19. Truyền dữ liệu quản lý DAT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

20. Theo dõi, khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; kiểm tra tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái.

21. Cung cấp giấy xác nhận được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

22. Cơ sở đào tạo căn cứ giáo trình, tài liệu đào tạo lái xe; nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, giáo viên và nhu cầu của người học để xây dựng, phê duyệt hình thức, chương trình

đào tạo lái xe chi tiết theo quy trình quy định tại Điều 13 Thông tư này, báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.

a) Nội dung lý thuyết bằng một trong các hình thức: tập trung tại cơ sở đào tạo; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Việc xây dựng hệ thống, học liệu, các phương pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và hệ thống ứng dụng quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Riêng đối với các môn: cấu tạo và sửa chữa thông thường, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, kỹ thuật lái xe phải học tập trung tại cơ sở đào tạo;

b) Nội dung thực hành lái xe theo hình thức tập trung.

### 23. Cơ sở đào tạo lái xe giải thể có trách nhiệm:

a) Trước khi giải thể cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo chủ trương và phương án giải quyết đảm bảo quyền lợi đối với học viên đang đào tạo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;

b) Đảm bảo đầy đủ quyền lợi đối với người học lái xe theo hợp đồng đào tạo;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho cơ sở đào tạo lái xe chấp thuận tiếp tục đào tạo gồm: báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học sinh (báo cáo 1) và Hồ sơ của người học lái xe; báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định giải thể của cơ sở đào tạo có hiệu lực, thực hiện rà soát, lập danh sách thí sinh đã được cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo và bàn giao hồ sơ của học viên hiện đang quản lý cho Sở Giao thông vận tải để tiếp tục theo dõi và quản lý.

24. Cơ sở đào tạo lái xe khi bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách học viên hiện đang quản lý; xây dựng phương án giải quyết quyền lợi đối với học viên đang đào tạo và báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;

b) Đảm bảo quyền lợi của người học theo hợp đồng đào tạo. Trường hợp học viên chấp thuận phương án được tiếp tục đào tạo thì thương thảo với các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn để bàn giao nghĩa vụ đào tạo. Trường hợp học viên không chấp thuận phương án tiếp tục đào tạo thì thoả thuận với học viên và thực hiện thanh lý hợp đồng;

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe có hiệu lực, bàn giao danh sách học viên hiện đang quản lý kèm theo hồ sơ gồm: danh sách học sinh (báo cáo 1), báo cáo đăng ký sát hạch lái xe và hồ sơ, dữ liệu (nếu có) cho cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận, bàn giao; đồng thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý.

25. Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận học sinh thuộc các cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe: tiếp nhận hồ sơ tài liệu quy định tại điểm c khoản 22 và điểm c khoản 23 Điều này và có trách nhiệm tiếp tục quản lý học viên theo quy định hiện hành. Việc bàn giao phải lập biên bản, bao gồm các nội dung sau: ghi đầy đủ, rõ ràng tài liệu bàn giao; cam kết và trách nhiệm của mỗi bên (bên giao và bên nhận đều có nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến hồ sơ, tài liệu, tài sản đã bàn giao).

#### **Điều 10. Điều kiện đối với người học lái xe**

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

2. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe lái xe an toàn như sau:

a) Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;

b) Hạng B lên D2, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

#### **Điều 11. Hồ sơ của người học lái xe**

1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

c) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1 lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

## **Điều 12. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe**

1. Giáo trình đào tạo lái xe phù hợp với chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe thực hiện biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình theo quy trình quy định tại Điều 14 Thông tư này.

4. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô bao gồm:

a) Báo cáo đăng ký sát hạch;

b) Kế hoạch đào tạo;

c) Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này

d) Mẫu tiến độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Sổ cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 sử dụng danh sách học viên đăng ký sát hạch, Sổ tay giáo viên làm tài liệu quản lý đào tạo. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô sử dụng dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.

## **Điều 13. Quy trình biên soạn, thẩm định ban hành giáo trình và chương trình đào tạo**

1. Bước 1: Thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo chi tiết

a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ biên soạn).

b) Thành phần Tổ biên soạn có từ 5 đến 7 thành viên, gồm Tổ trưởng, thư ký và các thành viên là giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm đối với nghề.

c) Tiêu chuẩn đối với thành viên Tổ biên soạn: có trình độ trung cấp trở lên; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết.

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Tổ biên soạn:

Tổ biên soạn có thể thành lập các Nhóm để biên soạn giáo trình một số môn của nghề; Mỗi nhóm biên soạn có từ 3 đến 5 thành viên là giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy đối với nội dung biên soạn. Nhóm giúp Tổ biên soạn thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo chi tiết đối với nội dung được giao;

Quy định trách nhiệm của các nhóm biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

Tổ chức hướng dẫn phương pháp, quy trình tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết cho thành viên các nhóm biên soạn;

Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết; báo cáo trước Hội đồng thẩm định và hoàn thiện dự thảo theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

2. Bước 2: Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

Tổ biên soạn tổ chức nghiên cứu chương trình đào tạo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; thu thập, tham khảo các tài liệu có liên quan làm căn cứ thực hiện nhiệm vụ biên soạn giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết. Cụ thể:

a) Tổ chức hội thảo, xin ý kiến chuyên gia về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

b) Tổng hợp, hoàn thiện các nội dung về cấu trúc của giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.

3. Bước 3: Biên soạn giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

a) Biên soạn nội dung chi tiết giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;

b) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia (gồm các giáo viên đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, nghiên cứu và chuyên gia về nội dung của từng giáo trình từng môn học và chương trình đào tạo chi tiết từng môn học;

c) Tổng hợp, hoàn thiện giáo trình đào tạo và sau khi có ý kiến chuyên gia.

4. Bước 4: Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo

a) Sửa chữa biên tập tổng thể giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết;

b) Hoàn thiện giáo trình đào tạo.

5. Bước 5: Thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết

a) Gửi bản dự thảo giáo trình tới Hội đồng thẩm định giáo trình kèm theo báo cáo tóm tắt quá trình biên soạn và những nội dung cốt lõi của giáo trình đào tạo chương trình đào tạo chi tiết;

b) Bảo vệ giáo trình trước cuộc họp Hội đồng thẩm định giáo trình chương trình đào tạo chi tiết;

c) Hoàn thiện giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định giáo trình;

d) Trình người đứng đầu cơ sở đào tạo giáo trình và chương trình đào tạo chi tiết đã được hoàn thiện (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình) để xem xét, quyết định ban hành giáo trình đào tạo và chương trình đào tạo chi tiết.

6. Bước 6: Đánh giá và cập nhật nội dung giáo trình đào tạo chương trình đào tạo chi tiết.

#### **Điều 14. Tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô**

Người học lái xe các hạng A1, A và B1 phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 15. Lưu trữ tài liệu đào tạo lái xe**

1. Cơ sở đào tạo lái xe

a) Không thời hạn đối với sổ cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo;

b) 02 năm đối với hồ sơ xét tốt nghiệp, dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô; dữ liệu thời gian học thực hành lái xe trên cabin học lái xe ô tô; dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên; dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết đối với hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện lưu trữ điện tử;

c) Việc huỷ tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Báo cáo đăng ký sát hạch lái xe;

b) Danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe;

c) Kế hoạch đào tạo;

d) Biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo;

e) Việc huỷ tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.

### **Mục 3. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 16. Đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1**

## 1. Kiểm tra

a) Đối với hạng A: Kiểm tra môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ và kỹ thuật lái xe);

b) Đối với hạng B1: Kiểm tra môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe kiểm tra môn học thực hành lái xe với bài thi tiền lùi hình chữ chi.

c) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số. Điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.

## 2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu

SỐ TT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN CÁC MÔN HỌC	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng A1	Hạng A	Hạng B1
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	8	16	28
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	-	-	4
3	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	4	4
4	Thực hành lái xe	giờ	2	12	40
	Số giờ học thực hành lái xe/học viên	giờ	2	12	8
	Số km thực hành lái xe/học viên	km	-	-	60
	Số học viên/1 xe tập lái	học viên	-	-	5
5	Số giờ/học viên/khoá đào tạo	giờ	12	32	48
	<b>Tổng số giờ một khoá đào tạo</b>	<b>giờ</b>	<b>12</b>	<b>32</b>	<b>76</b>

## 3. Tổ chức khóa đào tạo

Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá **2 tháng**.

### **Điều 17. Đào tạo lái xe các hạng B, C1**

#### 1. Kiểm tra, xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ;

cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học do Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học được xét kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết; học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu, có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người đánh giá. Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập để dự kiểm tra lại;

d) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số.

đ) Điều kiện được xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo: người học có 100% các kết quả kiểm tra hết môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.

## 2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe số tự động	Học xe số cơ khí	
<b>I. Đào tạo lý thuyết</b>		<b>giờ</b>	<b>152</b>	<b>152</b>	<b>152</b>
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	18	18	18
4	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	20	20	20
5	Kỹ thuật lái xe		20	20	20



6	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4
<b>II. Đào tạo thực hành</b>		<b>giờ</b>	<b>83</b>	<b>83</b>	<b>93</b>
1	Thời gian thực hành trên ca bin học lái xe ô tô của 01 học viên	giờ	2	2	2
2	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	41	41	43
3	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	40	40	48
4	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	1100	1100	1100
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	290	290	275
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	810	810	825
<b>III. Tổng thời gian đào tạo</b>		<b>giờ</b>	<b>235</b>	<b>235</b>	<b>245</b>

### 3. Tổ chức khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 3 tháng;

b) Số học viên được quy định trên một xe tập lái: hạng B không quá 05 học viên và hạng C1 không quá 08 học viên.

### **Điều 18. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe**

#### 1. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề, chứng chỉ đào tạo

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý

thuyết (nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: Pháp luật giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; nghiệp vụ vận tải; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia và phòng chống cháy nổ, cứu nạn và cứu hộ khi tham gia giao thông) và mô phỏng các tình huống giao thông;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiên lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học do Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe quyết định. Người học được xét kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết; học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu, có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người đánh giá. Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập để dự kiểm tra lại;

d) Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số.

đ) Điều kiện được xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo: người học có 100% các kết quả kiểm tra hết môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt các môn học từ 5,0 điểm trở lên.

## 2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:

### a) Bảng số 1

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE							
			B lên C1	B lên C	B lên D1	C1 lên C	C1 lên D1	D1 lên D2	D1 lên D	D2 lên D
<b>I. Đào tạo lý thuyết</b>		<b>giờ</b>	<b>36</b>	<b>42</b>	<b>48</b>	<b>36</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>42</b>	<b>36</b>
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	16	18	20	16	16	16	18	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	8	8	8	8	8	8	8	8

4	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	10	14	18	10	14	10	14	10
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>II. Đào tạo thực hành</b>		<b>giờ</b>	<b>9</b>	<b>13</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>13</b>	<b>9</b>	<b>13</b>	<b>9</b>
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	7	7	4	7	4	7	4
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	6	8	5	6	5	6	5
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	<b>340</b>	<b>360</b>	<b>380</b>	<b>340</b>	<b>360</b>	<b>340</b>	<b>360</b>	<b>340</b>
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	60	70	80	60	70	60	70	60
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	280	290	300	280	290	280	290	280
<b>III. Tổng thời gian đào tạo</b>		<b>giờ</b>	<b>45</b>	<b>55</b>	<b>63</b>	<b>45</b>	<b>53</b>	<b>45</b>	<b>55</b>	<b>45</b>

b) Bảng số 2

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE
-------	----------	--------	-----------------------

		TÍNH	B lên BE	C1 lên C1E	D1 lên D1E	D2 lên D2E	D lên DE	B lên D2	C1 lên D2	C lên D
<b>I. Đào tạo lý thuyết</b>		<b>giờ</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>42</b>	<b>48</b>	<b>42</b>
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	16	16	16	16	16	18	20	18
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	8	8	8	8	8	8	8	8
4	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	10	10	10	10	10	14	18	14
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>II. Đào tạo thực hành</b>		<b>giờ</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>13</b>	<b>15</b>	<b>13</b>
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	4	4	4	4	7	7	7
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	5	5	5	5	6	8	6
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	<b>340</b>	<b>340</b>	<b>340</b>	<b>340</b>	<b>340</b>	<b>360</b>	<b>380</b>	<b>360</b>
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	60	60	60	60	60	70	80	70

Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	280	280	280	280	280	290	300	290
<b>III. Tổng thời gian đào tạo</b>	<b>giờ</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>55</b>	<b>63</b>	<b>55</b>

### 3. Tổ chức khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ các nội dung, gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này và Phụ lục XI, thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ; để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe đối với học nâng hạng không quá 2 tháng;

b) Số học viên được quy định trên 01 xe tập lái đối với học nâng hạng: B lên BE không quá 5 học viên; B lên C1, B lên C, C1 lên C, C1 lên C1E, C lên CE không quá 08 học viên; B lên D1, B lên D2, C1 lên D1, C1 lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D2E, D lên DE không quá 10 học viên.

### **Điều 19. Đào tạo lái xe đặc thù**

1. Đào tạo đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật để cấp giấy phép lái xe hạng A1

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, được tự học lý thuyết và thực hành; trường hợp có nhu cầu học tập trung đăng ký với cơ sở đào tạo để được học theo nội dung, chương trình quy định;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.

2. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo, được thay nội dung học lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông bằng nội dung học trên xe tập lái;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe ô tô hạng B số tự động của người khuyết tật hoặc cơ sở đào tạo; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của

xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

3. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo;

b) Xe dùng để dạy lái: Xe ô tô tập lái hạng B số tự động của cơ sở đào tạo.

4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt:

a) Hình thức đào tạo: người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện theo chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 16 và Mục A và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Lớp học cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng và có người phiên dịch;

b) Phương pháp đào tạo: bằng hình ảnh trực quan, tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, mô hình, sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao thông đường bộ; hỏi - đáp và thực hành làm mẫu để thực hiện nội dung chương trình đào tạo lái xe.

## **Chương II**

### **SÁT HẠCH LÁI XE**

#### **Mục 1. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁT HẠCH**

##### **Điều 20. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe**

1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1 ở các đô thị từ loại 2 trở lên (loại 1 và đô thị đặc biệt) phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động; các địa bàn khác thực hiện tại các sân tập lái có đủ điều kiện để sát hạch.

3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, ngoài ra còn có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B trở lên).

Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết;

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2

Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gò ghề;

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại;

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D

Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc;

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng BE, D1E, D2E, DE

Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại;

e) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng C1E, CE

Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ;

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên;

h) Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch phát hiện các thời điểm có nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc quan sát các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;

i) Sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi.

4. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện như sau:

a) Sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy vi tính (trừ sát hạch đối với hạng A1 tại các địa bàn có khoảng cách đến trung tâm đô thị loại 3 trở lên (loại 1, loại 2 và loại đặc biệt) trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy);

b) Sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE; phòng sát hạch có camera để giám sát quá trình sát hạch;

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe có sân sát hạch đủ điều kiện, có thiết bị chấm điểm tự động (trừ các địa bàn có khoảng cách đến trung tâm đô thị từ loại 3 trở lên trên 100 km được phép sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp);

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện thuộc trung tâm sát hạch lái xe; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe có thiết bị chấm điểm tự động; không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

e) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D và có một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động.

## 5. Quy trình sát hạch lái xe

a) Hạng A1 và A thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hạng B1 thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này; các hạng BE, D1E, D2E, DE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này; hạng C1E, CE thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Trên cơ sở rà soát, tổng hợp kết quả của Cơ quan quản lý sát hạch, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và mẫu số 02 Phụ lục XXVI ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 21. Tiêu chuẩn sân tập lái dùng để sát hạch lái xe**

1. Đối với sân sử dụng máy tính để sát hạch lý thuyết và thiết bị chấm điểm tự động để sát hạch lái xe trong hình

Sân để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, thiết bị sát hạch lý thuyết, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình.



2. Đối với sân sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để sát hạch lý thuyết và phương pháp chấm điểm trực tiếp để sát hạch lái xe trong hình

Sân để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết.

## **Điều 22. Sở Giao thông vận tải**

1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch lái xe.

2. Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên.

3. Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch thuộc địa phương.

4. Triển khai nối mạng với các trung tâm sát hạch, cơ sở đào tạo lái xe tại địa phương và Cục Đường bộ Việt Nam;

5. Cung cấp tài khoản hệ thống thông tin giám sát sát hạch để Cục Đường bộ Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải (đưa học viên đến tổ chức sát hạch tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp), các trung tâm sát hạch đăng nhập, truyền và khai thác dữ liệu; đảm bảo hệ thống thông tin giám sát của Sở Giao thông vận tải hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu kết quả sát hạch tối thiểu trong thời gian 02 năm; dữ liệu kết quả sát hạch khai thác trên phần mềm của hệ thống thông tin giám sát được tổng hợp theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII Ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý; trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì lựa chọn để có kế hoạch tổ chức sát hạch phù hợp.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

8. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

9. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe là tổ chức tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).

10. Chỉ đạo cơ quan quản lý sát hạch xây dựng và ban hành nội quy sát hạch để áp dụng tại các kỳ sát hạch lái xe.

11. Cấp phát trang phục cho sát hạch viên do Sở quản lý, sử dụng.

### **Điều 23. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Ban hành Bộ câu hỏi và phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.

2. Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động theo quy định, trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

3. Xây dựng phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông để phục vụ công tác sát hạch lái xe.

4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện sát hạch lái xe trong phạm vi cả nước:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng trung tâm sát hạch lái xe;

b) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định;

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch lái xe do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.

## **Mục 2. QUẢN LÝ SÁT HẠCH**

### **Điều 24. Trung tâm sát hạch lái xe**

1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Sở Giao thông vận tải khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời.

2. Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.

3. Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, kiểm chuẩn trung tâm sát hạch lái xe.

4. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác.

5. Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định.

7. Truyền, chia sẻ ngay dữ liệu giám sát sát hạch đến Sở Giao thông vận tải và cơ quan quản lý về trật tự an toàn giao thông đường bộ ở địa phương; lưu trữ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu giám sát sát hạch; bảo đảm an toàn dữ liệu; bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và phần mềm cho hệ thống thông tin giám sát sát hạch của Sở Giao thông vận tải; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu giám sát sát hạch cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

8. Tiếp nhận, sử dụng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để sát hạch lái xe và phần mềm quản lý nghiệp vụ do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để phục vụ công tác tổ chức sát hạch lái xe.

### **Điều 25. Điều kiện của người dự sát hạch lái xe**

1. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Học đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; được cơ đào tạo lái xe cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVIII đối với các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

3. Người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên của Báo cáo 1.

4. Không xét thi nâng hạng đối với người lái xe vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Trật tự.

### **Điều 26. Hồ sơ dự sát hạch lái xe**

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;

c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

- a) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;
- b) Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo;
- c) Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

3. Đối với người dự sát hạch lại do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng theo quy định

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Đối với người dự sát hạch lại do bị mất giấy phép lái xe

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 11 của Thông tư này;

b) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này có ghi ngày tiếp nhận hồ sơ của cơ quan tiếp nhận;

c) Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

### **Điều 27. Hội đồng sát hạch**

1. Hội đồng sát hạch do Sở Giao thông vận tải thành lập.

a) Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Thành phần của Hội đồng sát hạch

a) Chủ tịch hội đồng là công chức, sát hạch viên thuộc Sở Giao thông vận tải có giấy phép lái xe ô tô;

b) Các ủy viên gồm: Lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe, lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký. Ủy viên thư ký là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải. Trường hợp lãnh đạo trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là lãnh đạo cơ sở đào tạo lái xe thì phải cử thêm một lãnh đạo tham gia ủy viên hội đồng sát hạch.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch

- a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;
- b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;
- c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;
- d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;
- đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy định sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;
- e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và người dự sát hạch bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn (do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra) trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;
- g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;
- h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe và Cơ quan quản lý sát hạch.
- i) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 28. Tổ sát hạch**

1. Tổ sát hạch do Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập.
  - a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cơ quan quản lý sát hạch;
  - b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.
2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên
  - a) Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thẻ sát hạch viên lái xe ô tô;
3. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch
  - a) Kiểm tra xe sát hạch, thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;
  - b) Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông và sân sát hạch;
  - c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;

d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Cơ quan quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A);

đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.

### **Điều 29. Sát hạch viên**

1. Tiêu chuẩn của sát hạch viên

- a) Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;
- b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;
- c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 03 năm;

d) Sát hạch viên là người của Sở Giao thông vận tải (trừ thanh tra viên, công chức thanh tra) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo;

đ) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên theo mẫu quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này, thẻ sát hạch viên có thời hạn 03 năm.

2. Trang phục của sát hạch viên

a) Khi thi hành nhiệm vụ, sát hạch viên phải mặc trang phục theo quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư này và đeo thẻ sát hạch viên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

b) Trang phục

Trang phục của sát hạch viên lái xe cơ giới đường bộ bao gồm: Áo, quần, váy nữ, cà vạt (cravat), thắt lưng, giày da, bút tắt và băng đỏ (đối với Tổ trưởng sát hạch).

a) Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát

STT	Tên trang phục	Số lượng	Niên hạn cấp phát
1	Áo Vest	01 chiếc	03 năm
2	Áo thu - đông	02 chiếc	03 năm
3	Áo xuân - hè	02 chiếc	03 năm
4	Quần nam	02 chiếc	03 năm
5	Quần nữ	01 chiếc	03 năm
6	Váy nữ	01 chiếc	03 năm
7	Giày da	01 đôi	03 năm
8	Cà vạt	01 chiếc	03 năm
9	Thắt lưng	01 chiếc	03 năm
10	Bút tắt	06 đôi	03 năm
11	Băng đỏ	01 chiếc	03 năm

d) Quản lý và sử dụng trang phục

Sát hạch viên được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ tại các kỳ sát hạch và có trách nhiệm giữ gìn bảo quản trang phục theo quy định; kinh phí mua sắm trang phục theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý và sử dụng sát hạch viên

Việc quản lý và sử dụng sát hạch viên thực hiện theo quy định tại Phụ lục XXXII.

**Điều 30. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch**

1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:

- a) Danh sách học viên (báo cáo 1);
- b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);
- c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;
- d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;
- đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;
- e) Biên bản phân công nhiệm vụ của Tổ sát hạch lái xe;
- g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;
- h) Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;
- i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;
- k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;
- l) Các tài liệu khác có liên quan đến kỳ sát hạch.

2. Cơ sở đào tạo lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

- a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;
- b) Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ ký của người dự sát hạch và sát hạch viên;
- c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của người dự sát hạch tại phiếu kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường được in từ thiết bị chấm điểm tự động trên ô tô sát hạch thực hành lái xe trên đường và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên;
- d) Lưu trữ, bảo quản bản sao các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 11 của Thông tư này đối với người trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;

đ) Trường hợp cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái dùng để thực hiện sát hạch lái xe mô tô phải lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình.

3. Trung tâm sát hạch lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại các điểm d, g và h khoản 1 Điều này;

b) Dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường;

c) Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

4. Người dự sát hạch tự bảo quản Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

5. Thời gian lưu trữ hồ sơ

a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;

b) 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều này;

c) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

6. Hồ sơ kết quả sát hạch hết giá trị sử dụng được tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

### **Mục 3. TỔ CHỨC SÁT HẠCH**

#### **Điều 31. Chuẩn bị kỳ sát hạch**

Cơ quan quản lý sát hạch thực hiện các công việc sau:

1. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1, A

a) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Thông tư này;

b) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với khóa đào tạo và sát hạch cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thực hiện như sau:

Sở Giao thông vận tải có văn bản theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cư trú lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Giao thông vận tải có văn bản.

Trong thời hạn lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản



của Ủy ban nhân dân cấp xã thì đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng; quá thời hạn lấy ý kiến mà Sở Giao thông vận tải chưa nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch.

Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, Sở Giao thông vận tải mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Giao thông vận tải đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng của kỳ sát hạch kế tiếp gần nhất;

d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch.

2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

a) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1),

b) Xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);

c) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Căn cứ danh sách hồ sơ thí sinh dự sát hạch hợp lệ kèm theo Biên bản kiểm tra Hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe theo quy định tại điểm c khoản này, Sở Giao thông vận tải duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe; thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 và Mẫu số 07 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với hồ sơ không hợp lệ Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho cá nhân.

3. Đối với việc sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe do bị quá hạn, bị mất

a) Rà soát, kiểm tra các điều kiện theo quy định tại Điều 42, lập danh sách thí sinh dự sát hạch lại theo mẫu quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này; căn cứ kết quả rà soát, kiểm tra điều kiện, Sở Giao thông vận tải ra quyết định tổ chức cùng với kỳ sát hạch lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trường hợp chưa có kỳ sát hạch lái xe phù hợp, được

thành lập Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo quy định (thành phần Hội đồng sát hạch không có thành viên của cơ sở đào tạo);

b) Đối với địa phương chưa có trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: nếu chỉ có thí sinh sát hạch lại lý thuyết thì có thể tổ chức sát hạch tại địa phương theo bộ đề hoặc phần mềm sát hạch do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; nếu sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành thì phải sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe của địa phương khác theo quy định.

### **Điều 32. Trình tự tổ chức sát hạch**

#### **1. Hợp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch**

a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;

b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.

#### **2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.**

#### **3. Kết thúc kỳ sát hạch**

a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức họp các thành viên của Tổ sát hạch, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Trưởng Cơ quan quản lý sát hạch ký tên và đóng dấu xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.

### **Điều 33. Giám sát kỳ sát hạch**

1. Căn cứ tình hình thực tế Sở Giao thông vận tải tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.

2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 02 người, sát hạch lái xe ô tô là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.

3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, người giám sát phải mặc trang phục theo quy định.

4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch có lắp thiết bị chấm điểm tự động

a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;

b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự sát hạch trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;

c) Giám sát việc tổ chức sát hạch thực hành lái xe trên đường tại đúng đoạn đường sát hạch do Sở Giao thông vận tải công bố; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;

d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.

5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch chưa lắp thiết bị chấm điểm tự động

Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.

6. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

### **Điều 34. Công nhận kết quả sát hạch**

1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng A1, A và B1:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu có nhu cầu dự sát hạch phải có

tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước và giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định;

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng B số tự động, hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, sát hạch thực hành lái xe trong hình và sát hạch trên đường thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được thực hiện nội dung sát hạch thực hành lái xe trên đường;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước;

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

3. Sở Giao thông vận tải rà soát, tổng hợp kết quả, ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 35. Sát hạch lái xe đặc thù**

1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật

a) Người dự sát hạch, thực hiện sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình sát hạch tại trung tâm sát hạch hoặc sân tập lái dùng để sát hạch lái xe

mô tô có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp; thực hiện sát hạch lý thuyết theo quy định sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số;

c) Hình sát hạch dựng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch theo quy định tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng ô tô hạng B số tự động của người khuyết tật hoặc của trung tâm sát hạch; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

3. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.

4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

a) Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Thông tư này;

b) Việc tổ chức sát hạch được thực hiện như sau: tổ chức sát hạch riêng. Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy; thời gian thi là 30 phút. 02 (hai) sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch trong bộ đề; 01 sát hạch viên đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, 01 sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng mà thí sinh chọn trên bài sát hạch lý thuyết; Sát hạch viên chấm điểm, ký tên xác nhận vào bài sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và thông báo kết quả sát hạch cho thí sinh. Thực

hiện nội dung sát hạch thông qua người phiên dịch, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi của sát hạch viên và câu trả lời của thí sinh; cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thuê người phiên dịch;

c) Thí sinh ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

## **Chương IV**

### **CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

#### **Mục 1. QUẢN LÝ GIẤY PHÉP LÁI XE**

##### **Điều 36. Sở Giao thông vận tải**

1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ cấp giấy phép lái xe.

2. Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe.

3. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu.

4. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

##### **Điều 37. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy phép lái xe và triển khai dịch vụ công đổi giấy phép lái xe trên cổng dịch vụ công quốc gia trong phạm vi cả nước.

2. Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan cấp, đổi giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông vận tải;

3. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.

##### **Điều 38. Mẫu giấy phép lái xe**

1. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 và mẫu số 03 Phụ lục XXXVI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Đường bộ Việt Nam thiết kế tính bảo mật, in, thống nhất phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

### **Điều 39. Sử dụng, quản lý giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, thì đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.

3. Người đã có giấy phép lái xe tích hợp của giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn, nếu có nhu cầu tách giấy phép lái xe thì làm thủ tục tách giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.

4. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

5. Khi đổi, cấp lại, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe thu hồi giấy phép lái xe cũ và tiêu hủy theo quy định.

6. Người có giấy phép lái xe hạng B số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn).

7. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:

a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

8. Người có giấy phép lái xe hạng FD, FE do ngành Giao thông vận tải cấp lần đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, nếu có nhu cầu điều khiển xe ô tô tải kéo rơ moóc hoặc xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc được đổi bổ sung hạng CE.

9. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp có hiệu lực, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

10. Người lái xe có các hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

### **Điều 40. Xác minh giấy phép lái xe**

1. Khi tiếp nhận danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo và trước khi duyệt danh sách giấy phép lái xe được nâng hạng, đổi, cấp lại Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe của người xin nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe (bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); trường hợp chưa có thông tin, phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp xác minh giấy phép lái xe đã cấp; bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXVII ban hành kèm theo Thông tư này, bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XXXVII ban hành kèm theo Thông tư này.

## 2. Thực hiện xác minh giấy phép lái xe

a) Việc xác minh giấy phép lái xe phải thực hiện ngay qua điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax và sau đó gửi bằng văn bản;

b) Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ thì Sở Giao thông vận tải không đổi, không cấp lại hoặc không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.

## 3. Thời hạn xác minh

a) Kể từ khi nhận được danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe hoặc hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này, Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp;

b) Ngay khi nhận được yêu cầu xác minh, Sở Giao thông vận tải phải trả lời xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

## **Mục 2. CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP LÁI XE**

### **Điều 41. Cấp mới giấy phép lái xe**

1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp lại do quá thời hạn sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 42 của Thông tư này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe.

2. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.

3. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

4. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B, người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương



trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này; trường hợp đạt kết quả sát hạch, cơ quan tổ chức sát hạch có văn bản đề nghị cơ quan đã cấp giấy phép xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe cũ và có văn bản đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xóa sổ quản lý giấy phép lái xe đã cấp.

#### **Điều 42. Cấp lại giấy phép lái xe**

1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này để cấp lại giấy phép lái xe;

b) Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp lại giấy phép lái xe;

c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Thông tư này.

2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Thủ tục, hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.

3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, phải dự sát hạch lại các nội dung:

a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Thông tư này;

b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường;

c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Thông tư này.

4. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe cấp lại (phục hồi), được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.

5. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).

6. Người dự sát hạch lại có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo.

7. Không cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:

a) Người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

### **Điều 43. Đổi giấy phép lái xe**

1. Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.

2. Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch, nơi sinh, nơi cư trú ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân hoặc căn cước.

3. Trình tự thực hiện đổi giấy phép lái xe:

a) Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận, tra cứu phần mềm quản lý vi phạm của hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe, truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi, cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

b) Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

d) Cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản chính hồ sơ đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải cấp (trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài, giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe. Thu hồi giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản (trường hợp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình,

người lái xe chịu trách nhiệm gửi giấy phép lái xe cũ đến cơ quan cấp giấy phép lái xe để hủy theo quy định);

đ) Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

5. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.

#### **Điều 44. Thu hồi giấy phép lái xe**

1. Các trường hợp thu hồi Giấy phép lái xe bao gồm:

- a) Người lái xe có hành vi gian dối để được cấp giấy phép lái xe;
- b) Người lái xe tẩy, xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe;
- c) Để người khác sử dụng giấy phép lái xe của mình;
- d) Cơ quan có thẩm quyền cấp cho người không đủ điều kiện;

đ) Thông qua việc khám sức khỏe Cơ quan có thẩm quyền xác định trong cơ thể người lái xe có chất ma túy (trừ các hành vi xử lý theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 10 Điều 5; điểm h và điểm i khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019).

e) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám chữa bệnh đối với từng hạng giấy phép lái xe;

g) Giấy phép lái xe được cấp sai quy định;

h) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy phép lái xe. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép lái xe, người lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến cơ quan thu hồi giấy phép lái xe và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe đã cấp và hủy bỏ theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập,

chia, tách, giải thể, hết thẩm quyền cấp thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy phép lái xe là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp giấy phép lái xe.

## 2. Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi

Giấy phép lái xe bị thu hồi trong các trường hợp: cấp sai do người lái xe có hành vi gian dối để được cấp giấy phép lái xe, cơ quan có thẩm quyền cấp cho người không đủ điều kiện, giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì không có giá trị sử dụng, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

### **Điều 45. Quy trình cấp giấy phép lái xe**

#### 1. Đối với cấp mới giấy phép lái xe

a) Cơ sở đào tạo: tiếp nhận hồ sơ học lái xe và sử dụng hệ thống thông tin để tạo lập báo cáo đăng ký sát hạch gửi Sở Giao thông vận tải; tổ chức đào tạo theo nội dung và chương trình đào tạo lái xe theo quy định; tổ chức kiểm tra khi kết thúc môn học và xét cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo và cập nhật vào Hệ thống thông tin; lập báo cáo đề nghị sát hạch lái xe gửi Sở giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải: tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch, đề nghị sát hạch lái xe; duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện sát hạch, ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch và gửi Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe để phối hợp tổ chức kỳ sát hạch; Tiếp nhận dữ liệu kết quả sát hạch do các Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe đồng bộ để lập danh sách cấp giấy phép lái xe cho người đạt kết quả sát hạch; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký giấy phép lái xe và in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin theo quy định; trả giấy phép lái xe cho người được cấp;

c) Trung tâm sát hạch và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe: Tiếp nhận danh sách thí sinh dự sát hạch do Sở Giao thông vận tải đồng bộ trên Hệ thống thông tin; cung cấp dịch vụ cơ sở vật chất của trung tâm sát hạch để các Sở Giao thông vận tải tổ chức kỳ sát hạch; Đồng bộ dữ liệu kết quả kỳ sát hạch vào Hệ thống thông tin;

d) Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

## 2. Đối với cấp đổi giấy phép lái xe

a) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình đổi giấy phép lái xe trên hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe và thực hiện quy trình in giấy phép lái xe; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe;

b) Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

### **Mục 3. THỦ TỤC ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE**

#### **Điều 46. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp**

##### 1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe

a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;

b) Người có giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp bị hỏng;

c) Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe.

##### 2. Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:

a) Giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý);

b) Người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

##### 3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

c) Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

4. Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải.

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ.

#### **Điều 47. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp**

##### **1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe**

a) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng...), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Fx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp.

2. Không đổi giấy phép lái xe quân sự quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.

3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

d) Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.

4. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.

5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu ghi ở khoản 1 và khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

#### **Điều 48. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp**

##### 1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe

a) Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;

2. Không đổi giấy phép lái xe do ngành công an cấp quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.

3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ gốc (nếu có);

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đổi chiếu.

4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về

việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại điểm b khoản này (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu;

đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe Công an là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe công an đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều này;

b) Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;

c) Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe;

d) Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 3 Điều này và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

6. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh.

**Điều 49. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài**

1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe

a) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu



trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

2. Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.

3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc thường trú. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);

d) Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

4. Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

6. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam.

### **Điều 50. Điều kiện, thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam**

1. Điều kiện đổi giấy phép lái xe

Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

2. Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

c) Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phân số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

4. Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

5. Cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải ghi vào hồ sơ quản lý là giấy phép lái xe đổi 01 (một) lần.

6. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam;

c) Đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu và giấy phép lái xe nước ngoài, khi đổi giấy phép lái xe có thể căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch giấy phép lái xe (kèm theo bản sao giấy phép lái xe nước ngoài), làm sẵn giấy phép lái xe cho số người đăng ký. Giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người thực sự vào Việt Nam sau khi đối chiếu giấy phép lái xe nước ngoài và hộ chiếu.

## **Phần II**

### **CẤP, SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**

#### **Chương I**

#### **CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**

##### **Điều 51. Sở Giao thông vận tải**

1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ cấp IDP.

2. Triển khai thực hiện dịch vụ công về cấp IDP.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

##### **Điều 52. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện cấp IDP trong phạm vi cả nước:

a) Triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công về cấp IDP;

d) Kiểm tra về nghiệp vụ cấp IDP đối với Sở Giao thông vận tải.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến cấp IDP do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam giao.

### **Điều 53. Mẫu giấy phép lái xe quốc tế**

1. IDP là một quyển sổ có kích thước A6 (148 mm x 105 mm), có ký hiệu bảo mật, bìa màu xám, những trang giấy bên trong màu trắng theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trang 1 (trang bìa) ghi thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; trang 2 quy định về phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, trang 3 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt, trang 4 để trống, trang 5 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh, trang 6 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga, trang 7 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha, trang 8 quy định phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp, trang 9 quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp.

3. Số IDP gồm ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam đối với giao thông quốc tế là VN và 12 chữ số sau là số giấy phép lái xe quốc gia.

### **Điều 54. Hạng xe điều khiển của giấy phép lái xe quốc tế**

1. Hạng xe được phép điều khiển của IDP tương ứng với các hạng xe của giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XXXXI ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 55. Điều kiện, Thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế**

1. Điều kiện cấp giấy phép lái xe quốc tế

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông.

2. Trường hợp người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng:

a) Cá nhân nộp đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXII ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

b) Trình tự cấp IDP:

Cá nhân khi nộp đơn trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí

sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng

a) Hồ sơ cấp IDP:

Đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXII ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.

b) Trình tự cấp IDP:

Cá nhân khi nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp IDP bị mất hoặc hư hỏng, cá nhân lập đơn đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng;
- b) Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Trường hợp phát hiện cá nhân có hành vi gian dối để được cấp IDP, tẩy xóa hoặc làm sai lệch thông tin trên IDP được cấp, ngoài việc bị cơ quan cấp IDP ra quyết định thu hồi IDP, cá nhân đó còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp IDP trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bị phát hiện hành vi vi phạm.

### **Điều 56. Quy trình cấp, quản lý giấy phép lái xe quốc tế**

1. Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình cấp giấy phép lái xe quốc tế trên hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe quốc tế và thực hiện quy trình in giấy phép lái xe quốc tế; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

2. Cục Đường bộ Việt Nam:

- a) Tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe quốc tế đã được các Sở Giao thông vận tải đồng bộ vào hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định;
- b) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế của cá nhân, thì thực hiện như quy trình tại khoản 1 Điều này.

## **Chương II**

### **SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ DO CÁC NƯỚC LÀ THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 1968**

#### **Điều 57. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp**

1. IDP do Việt Nam cấp không có giá trị sử dụng trong lãnh thổ Việt Nam.

## **Chương III**

### **SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ DO ĐẠI HẠN DÂN QUỐC CẤP**

#### **Điều 58. Quy định chung về sử dụng giấy phép lái xe tại mỗi bên**

1. Tại Việt Nam:

- a) Công dân Hàn Quốc mang Giấy phép lái xe quốc tế hạng A do Hàn Quốc cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới phù hợp với hạng trên Giấy phép lái xe quốc tế đó;

b) Công dân Hàn Quốc mang giấy phép lái xe quốc tế thuộc các hạng khác do Hàn Quốc cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới hạng B theo giấy phép lái xe quốc tế đó.

2. Tại Hàn Quốc:

a) Công dân Việt Nam mang giấy phép lái xe quốc tế hạng A, A1 hoặc B1 do Việt Nam cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới phù hợp với hạng trên giấy phép lái xe quốc tế đó;

b) Công dân Việt Nam mang giấy phép lái xe quốc tế thuộc các hạng khác do Việt Nam cấp được phép điều khiển phương tiện cơ giới theo hạng trên giấy phép lái xe quốc tế đó.

3. Công dân của một nước có giấy phép lái xe quốc tế hợp lệ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phép điều khiển phương tiện giao thông cơ giới trong lãnh thổ của nước kia trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày nhập cảnh vào lãnh thổ nước đó.

4. Công dân có giấy phép lái xe quốc tế còn hiệu lực và được xuất trình với các giấy phép lái xe quốc gia tương ứng do một Bên cấp khi điều khiển phương tiện trong lãnh thổ của nước kia phải chấp hành theo pháp luật quốc gia của nước đó.

5. Cơ quan có thẩm quyền mỗi Bên có thể tước quyền sử dụng giấy phép lái xe quốc tế của người lái xe trong lãnh thổ của nước mình nếu người lái xe đó vi phạm các quy định trong lãnh thổ của nước mình mà theo pháp luật quốc gia của Bên đó phải tước giấy phép của người vi phạm.

a) Tước và giữ giấy phép lái xe quốc tế cho đến khi hết thời hạn tước quyền sử dụng theo pháp luật quốc gia của Bên đó hoặc cho đến khi người lái xe rời khỏi lãnh thổ nước mình, tùy theo thời hạn nào sớm hơn;

b) Điền vào chỗ trống ghi nhận vi phạm (xác nhận) trên giấy phép lái xe quốc tế thông báo giấy phép lái xe quốc tế không còn hiệu lực trên lãnh thổ nước mình trong thời hạn tước quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

### **Phần III**

## **ĐÀO TẠO, CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

### **Chương I**

## **ĐÀO TẠO PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 59. Sở Giao thông vận tải**

1. Cấp và quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo quy định.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, tổng hợp công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương.

3. Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam về nhu cầu phôi Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thực hiện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra và thông báo danh sách Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đủ hoặc không đủ điều kiện hoạt động trên địa bàn quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

### **Điều 60. Cục Đường bộ Việt Nam**

1. In, phát hành và thống nhất quản lý việc sử dụng phôi Chứng chỉ trong phạm vi cả nước.

2. Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

## **Mục 2**

### **QUẢN LÝ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 61. Tiêu chuẩn của Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

2. Cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phòng học luật giao thông đường bộ có đủ tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định;

b) Giáo viên giảng dạy phải có trình độ trung cấp trở lên, có Chứng chỉ sư phạm và giấy phép lái xe ô tô.

### **Điều 62. Trách nhiệm của cơ sở bồi dưỡng**

1. Tuyển sinh và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo chương trình quy định tại Thông tư này.

2. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Lập Sổ quản lý cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXV ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Báo cáo công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ với Sở Giao thông vận tải theo nội dung sau:

a) Kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;



b) Việc sử dụng phôi Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thu và sử dụng học phí theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Cơ sở bồi dưỡng phải thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVII ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 63. Điều kiện và Hồ sơ học**

1. Điều kiện: Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đủ tuổi và sức khỏe theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ học

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.

### **Điều 64. Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương trình</b>	<b>Số giờ</b>
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	12
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	5
3	Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
4	Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	4
5	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	3
6	Ôn tập và kiểm tra	5
	<b>Tổng thời gian đào tạo</b>	<b>32</b>

### **Điều 65. Tổ chức đào tạo pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ**

1. Báo cáo mở khóa đào tạo: Cơ sở đào tạo pháp luật về giao thông đường bộ tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đảm bảo yêu cầu về điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và báo cáo Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIV ban hành kèm theo Thông tư này để theo dõi quản lý.

2. Căn cứ Chương trình đào tạo quy định tại Điều 64 Thông tư này xây dựng giáo trình và nội dung chi tiết chương trình đào tạo.

3. Tổ chức kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người học đạt yêu cầu và lập biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXIX ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại sau 07 ngày.

### **Điều 66. Lưu trữ hồ sơ kết quả kiểm tra**

1. Cơ sở đào tạo

a) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Danh sách thí sinh tham dự kiểm tra;

d) Quyết định tổ chức kiểm tra;

đ) Sổ cấp chứng chỉ.

2. Sở Giao thông vận tải

Lưu trữ hồ sơ và các tài liệu có liên quan đến công tác đào tạo, kiểm tra và cấp Chứng chỉ.

3. Việc hủy tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.

## **Chương II**

### **CẤP, ĐỔI VÀ THU HỒI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 67. Cấp mới Chứng chỉ**

Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp Chứng chỉ cho người học.

#### **Điều 68. Đổi Chứng chỉ**

1. Người có Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được đổi theo số hiệu Chứng chỉ đã cấp.

2. Hồ sơ đề nghị đổi, bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXXX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ; Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.

b) Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải đổi Chứng chỉ.

### **Điều 69. Cấp lại Chứng chỉ**

1. Người có Chứng chỉ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu Chứng chỉ đã cấp.

2. Hồ sơ cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 68.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ; Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.

b) Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Sở Giao thông vận tải cấp lại Chứng chỉ.

### **Điều 70. Thu hồi Chứng chỉ**

1. Người có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp:

a) Người được cấp Chứng chỉ không đủ điều kiện về sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Chứng chỉ được cấp sai quy định;

c) Người được cấp Chứng chỉ tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch thông tin.

2. Trình tự thu hồi

Cơ sở đào tạo hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc thu hồi theo trình tự sau:

a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ ra quyết định thu hồi và hủy bỏ chứng chỉ. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi chứng chỉ, người lái xe phải nộp chứng chỉ bị thu hồi đến cơ quan thu hồi chứng chỉ và cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm thu hồi chứng chỉ đã cấp và hủy bỏ theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể, hết thẩm quyền cấp thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp chứng chỉ.

### **Điều 71. Quy trình cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cơ sở đào tạo: tiếp nhận hồ sơ học để được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (sau đây gọi là chứng chỉ) và sử dụng hệ thống thông tin để tạo lập khoá đào tạo; tổ chức đào tạo theo nội dung và chương trình đào tạo lái xe theo quy định; tổ chức kiểm tra khi kết thúc môn học, tổ chức xét duyệt và ra quyết định cấp chứng chỉ cho người có đủ điều kiện; xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký và in chứng chỉ; kiểm tra chất lượng chứng chỉ sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin theo quy định; trả chứng chỉ cho người được cấp; lập báo cáo cấp chứng chỉ gửi Sở giao thông vận tải.

2. Sở Giao thông vận tải: quản lý dữ liệu chứng chỉ và gửi báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cục Đường bộ Việt Nam: Tiếp nhận, quản lý dữ liệu Chứng chỉ trên hệ thống thông tin và dữ liệu do Sở Giao thông vận tải báo cáo.

## **Phần V**

# **HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

## **Chương I**

### **QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN**

#### **Điều 72: Yêu cầu chung của Hệ thống thông tin.**

1. Hệ thống thông tin đào tạo lái xe bao gồm phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác quản lý thông tin của học viên, thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ, kết quả học thực hành lái xe trên cabin học lái xe, thời gian và quãng đường học thực hành lái xe (DAT), để phục vụ công tác quản lý quá trình đào tạo lái xe và cung cấp thông tin cho hệ thống quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe, gồm:

a) Quản lý các nội dung tối thiểu sau: khóa đào tạo, địa điểm đào tạo, thời gian hoàn thành khóa học, chi tiết quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, thông tin các kỳ và kết quả sát hạch từng kỳ của từng học viên;

b) Lập, quản lý, cung cấp cho Sở Giao thông vận tải, các cơ quan chức năng (khi có yêu cầu): báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1), báo cáo thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2), báo cáo chi tiết quá trình đào tạo của người học và các báo cáo khác liên quan đến quá trình đào tạo lái xe theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

c) Lưu trữ chính xác, đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Thông tư này;

d) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo giao thức truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

2. Hệ thống thông tin sát hạch lái xe bao gồm phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác sát hạch lý thuyết, sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, sát hạch lái xe trong hình, sát hạch lái xe trên đường để sát hạch lái xe và chia sẻ ngay dữ liệu giám sát hoạt động sát hạch cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cơ quan quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ ở địa phương để giám sát, gửi cơ sở đào tạo để quản lý, lập danh sách sát hạch cho các thí sinh vắng, trượt của kỳ sát hạch trước.

a) Hệ thống thông tin sát hạch lái xe sử dụng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này; phần mềm sát hạch lái xe trong hình, sát hạch lái xe trên đường theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ để thực hiện sát hạch lái xe theo quy định;

b) Tiếp nhận dữ liệu thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2), thực hiện kỳ sát hạch lái xe, tổng hợp kết quả để cấp giấy phép lái xe và quản lý, giám sát thông tin kết quả sát hạch theo quy định;

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo giao thức truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Hệ thống thông tin giấy phép lái xe cấp gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm được cài đặt tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch, Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ trong công tác quản lý việc cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan liên quan.

a) Quản lý đầy đủ các thông tin giấy phép lái xe;

b) Tiếp nhận thông tin từ hệ thống quản lý sát hạch lái xe, thực hiện cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44 Thông tư này;

c) Thực hiện đổi giấy phép lái xe cho Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam theo quy định tại khoản 8 Điều 38, Điều 49, Điều 50 Thông tư này;

d) Thực hiện đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài và đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam theo quy định tại các Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Thông tư này;

đ) Thực hiện cấp giấy phép lái xe quốc tế theo quy định tại Điều 55 Thông tư này;

e) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với công dịch vụ công quốc gia, công dịch vụ công của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế.

g) Lập, quản lý các báo cáo về giấy phép lái xe theo đúng các quy định tại Điều 4 Thông tư này;

h) Lưu trữ chính xác, đầy đủ thông tin theo quy định;

i) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo giao thức truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ xe bao gồm phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

a) Quản lý các nội dung tối thiểu sau: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, khóa đào tạo, địa điểm đào tạo, thời gian hoàn thành khóa học, chi tiết quá trình đào tạo, kết quả đào tạo và kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ của từng học viên;

b) Tạo lập khoá đào tạo, in chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Thông tư này;

c) Lập, quản lý, cung cấp cho Sở Giao thông vận tải, các cơ quan chức năng khi có yêu cầu báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

d) Lưu trữ chính xác, đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Thông tư này.

đ) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo quy định.

5. Dữ liệu từ hệ thống thông tin được khai thác, sử dụng để phục vụ cho công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; phục vụ công tác giám sát; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; phục vụ công tác tích hợp, chia sẻ với các hệ thống thông tin khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 73. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam**

1. Xây dựng, nâng cấp và duy trì hoạt động của hệ Hệ thống thông tin giấy phép lái xe; hệ thống quản lý thời gian và quãng đường học thực hành lái xe; hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp trên công dịch vụ công quốc gia; hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình cấp, cấp lại giấy phép lái xe quốc tế; tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Chuyển giao, hướng dẫn các phần mềm quản lý đào tạo lái xe, phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông, phần

mềm quản lý giấy phép lái xe để cài đặt tại các Sở Giao thông vận tải, cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe theo quy định.

3. Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

4. Tiếp nhận dữ liệu cấp, đổi giấy phép lái xe từ các Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để xác thực và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe đặt tại Cục Đường bộ Việt Nam.

5. Cung cấp tài khoản để các Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam.

6. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần

7. Thực hiện chức năng quản trị hệ thống thông tin giấy phép lái xe: công thông tin điện tử, phân quyền tài khoản sử dụng trong hệ thống, sao lưu dữ liệu đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải giao.

#### **Điều 74. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Sở Giao thông vận tải.

2. Vận hành hoặc thuê đơn vị có năng lực để vận hành hệ thống thông tin đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại địa phương theo quy định.

3. Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao.

a) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe để tiếp nhận báo cáo 1, báo cáo 2; kiểm tra đối chiếu các thông tin người học lái xe, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo để chuẩn bị kỳ sát hạch theo quy định;

b) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe để thực hiện sát hạch lái xe, tổng hợp kết quả làm cơ sở cấp, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định;

c) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu và quản lý giấy phép lái xe; thực hiện ký số để cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.

4. Sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyên giao tại Sở Giao thông vận tải, Trung tâm sát hạch lái xe, Cơ sở đào tạo để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

5. Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với hệ thống phần mềm ứng dụng dữ liệu trong hệ thống thông tin tại địa phương do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao về quản lý Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

6. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử đã gửi hoặc truyền dữ liệu về Cục Đường bộ Việt Nam.

8. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định.

9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao.

#### **Điều 75. Trách nhiệm của Cơ sở đào tạo lái xe**

1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Cơ sở đào tạo lái xe.

2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.

a) Đối chiếu, tạo lập, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, báo cáo 1, báo cáo 2 theo quy định;

b) Tiếp nhận thông tin kết quả sát hạch lái xe của học viên đào tạo tại cơ sở của mình để quản lý và tổ chức cho học viên sát hạch lại theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 78 Thông tư này.

4. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.

5. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở đào tạo để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý đào tạo lái xe do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.

#### **Điều 76. Trách nhiệm của Trung tâm sát hạch lái xe**

1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm sát hạch lái xe



2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe theo chức năng, quyền hạn do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao.

a) Chỉ được cài đặt các phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao;

b) Không được can thiệp, lắp đặt các thiết bị, cài đặt các phần mềm làm ảnh hưởng quá trình sát hạch hoặc làm sai lệch kết quả sát hạch lái xe.

3. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.

5. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại trung tâm sát hạch để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý hoạt động sát hạch do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.

#### **Điều 77. Trách nhiệm của Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ**

1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đặt tại Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ theo chức năng, quyền hạn do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 78 Thông tư này.

5. Ban hành quy chế đảm bảo an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để đảm bảo sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả.

6. Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại cơ sở để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Giao thông vận tải quản lý giao.

#### **Điều 78. Thời gian lưu trữ dữ liệu trên Hệ thống thông tin**

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định.

1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.

2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.

3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam tối thiểu là 100 năm.

## **Chương II**

### **KHAI THÁC, CHIA SẼ DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN**

#### **Điều 79. Nguyên tắc khai thác**

1. Việc khai thác dữ liệu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 73 và Điều 74 của Thông tư này có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

3. Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

#### **Điều 80. Hình thức khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin**

##### **1. Khai thác trực tiếp**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (<https://www.gplx.gov.vn>) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

##### **2. Khai thác gián tiếp**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ chi tiết, tùy mức độ bảo mật được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe hoặc cơ sở dữ liệu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

a) Các thông tin ghi trên giấy phép lái xe;

b) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ;

c) Các thông tin ghi trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ;

d) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, kiểm tra, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ.

## **Phần VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 81. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ các Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.

### **Điều 82. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các khóa đào tạo đã tuyển sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở đào tạo tiếp tục tổ chức đào tạo theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT, Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT, Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT, Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT, Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT).

2. Người học lái xe đã hoặc đang được đào tạo lái xe trước ngày 01/01/2025 chưa được sát hạch, cấp giấy phép lái xe thì được sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật trật tự an toàn giao thông

đường bộ.

3. Cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực không thực hiện thời hiệu thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách học viên hiện đang quản lý; xây dựng phương án giải quyết quyền lợi đối với học viên đang đào tạo và báo cáo về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý theo quy định tại điểm c khoản 22 và điểm a khoản 23 Điều 9 Thông tư này.

4. Người vắng, trượt trong các kỳ sát hạch để được cấp lại giấy phép lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà đăng ký sát hạch lái xe sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì được xét duyệt và sát hạch theo quy định tại Thông tư này.

5. Giấy phép lái xe theo mẫu số 01 Phụ lục XXXVI Thông tư này áp dụng từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; Giấy phép lái xe theo mẫu số 02 Phụ lục XXXVI Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không thực hiện được xác thực định danh điện tử của tổ chức hoặc công dân do Hệ thống định danh và xác thực điện tử bị lỗi thì tổ chức, cá nhân xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: bản sao giấy đăng ký kinh doanh, bản sao căn cước công dân, bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ chiếu khi thực hiện các thủ tục hành chính.

**Điều 83.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 78;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Ủy ban an toàn giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT; - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, Vận tải.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Duy Lâm**



